

TÌNH HÌNH NHIỄM NGOẠI KÝ SINH TRÙNG TRÊN CHÓ TẠI TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Thị Đầu, Kim Nang
Trường Đại học Trà Vinh

TÓM TẮT

Đề tài “Tình hình nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó tại tỉnh Trà Vinh” được thực hiện năm 2019. Chó nuôi tại 3 huyện Trà Cú, Cầu Ngang, Châu Thành và thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã được điều tra về tình hình nhiễm ngoại ký sinh trùng.

Kết quả điều tra cho thấy tỷ lệ chó bị nhiễm ngoại ký sinh trùng tại tỉnh Trà Vinh là 51,06%; trong đó tỷ lệ chó bị nhiễm cao nhất là ở huyện Trà Cú (58,56%), kế đến là huyện Châu Thành và huyện Cầu Ngang, lần lượt là 52,07% và 49,37% và thấp nhất là thành phố Trà Vinh (45,74%). Nhóm chó địa phương bị nhiễm với tỷ lệ cao nhất (56,48%), tỷ lệ chó ngoại-lai bị nhiễm thấp nhất (42,05%). Tỷ lệ chó địa phương nuôi thả rông bị nhiễm (55,32%) và nuôi nhốt (46,67%) cao hơn nhóm chó ngoại-lai nuôi thả rông (44,54%) và nuôi nhốt (38,82%).

Điều tra trên 5 lứa tuổi cho kết quả như sau chó ở lứa tuổi <6 tháng có tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh trùng là 45%; từ 6 -12 tháng tuổi có tỷ lệ nhiễm là 40,79%; từ 12 - 24 tháng tuổi tỷ lệ nhiễm là 48,28%; từ 24 - 36 tháng tuổi có tỷ lệ nhiễm 55,79% và > 36 tháng tuổi có tỷ lệ nhiễm là 60,28%.

Kết quả định danh loài đã xác định được 7 loài ngoại ký sinh trùng bao gồm: *Rhipicephalus sanguineus* (23,31%), *Boophilus microplus* (9,44%), *Ctenocephalides canis* (19,85%), *Ctenocephalides felis felis* (5,59%), *Heterodoxus spiniger* (22,54%), *Trichodectes canis* (0,96%), *Demodex canis* (5,01%).

Từ khoá: Chó, ngoại ký sinh trùng, tỷ lệ nhiễm, tỉnh Trà Vinh.

Situation of ectoparasite infestation rate in dogs in Tra Vinh province

Nguyen Thi Dau, Kim Nang

SUMMARY

The study “Situation of ectoparasite infestation rate in dogs in Tra Vinh province” was implemented in 2019. A total of 519 dogs at 3 districts Tra Cu, Cau Ngang, Chau Thanh and Tra Vinh city, Tra Vinh province were examined to determine the rate of dog infected with ectoparasite.

The rate of dog infected with ectoparasitic in Tra Vinh was 51.06%, the highest infection of dog was in Tra Cu district (58.56%), followed by Chau Thanh and Cau Ngang districts (52.07% and 49.37%, respectively) and the lowest rate was in Tra Vinh city (45.74%). The infection rate of the local, free-grazing dogs (55.32%) and the captive dogs (46.67%) were higher than the exotic, free-grazing dogs (44.54%) and the captive dogs (38.82%).

The result of surveying 5 dog age groups showed that with the dog group at the age <6 months, the rate of dog infected with ectoparasite was 45%; from 6 to 12 months, the infection rate was 40.79%; from 12 - 24 months old, the infection rate was 48.28%; from 24 - 36 months old, the infection rate was 55.79% and > 36 months old, the infection rate was 60.28%.

Through the species identification, there were 7 ectoparasite species, including: *Rhipicephalus sanguineus* (23.31%), *Boophilus microplus* (9.44%), *Ctenocephalides canis* (19.85%), *Ctenocephalides felis felis* (5.59%), *Heterodoxus spiniger* (22.54%), *Trichodectes canis* (0.96%), *Demodex canis* (5.01%).

Keywords: Dogs, ectoparasite, infestation rate, Tra Vinh province.

I. GIỚI THIỆU

Bên cạnh những bệnh truyền nhiễm và bệnh nội khoa nguy hiểm gây bệnh cho chó, bệnh về da cũng thường gặp trên chó, bệnh không gây chết nhưng ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ tăng trưởng chó và 1 số bệnh có khả năng lây sang người. Chó thường cảm thấy ngứa ngáy khó chịu, giảm ăn và thay đổi tính tình; bệnh còn gây rụng lông, da dày sần sùi làm mất thẩm mỹ của thú và đặc biệt là những thú cưng có giá trị kinh tế cao. Các nguyên nhân gây bệnh trên hệ lông da thường đa dạng, chịu ảnh hưởng nhiều về cách chăm sóc nuôi dưỡng và môi trường sống. Những bệnh ngoài da tương đối khó chẩn đoán qua lâm sàng, gây hạn chế nhiều trong công tác điều trị.

Các loài ngoại ký sinh trùng ký sinh trên chó ngoài tác động gây tổn thương, chiếm đoạt dưỡng chất, chúng còn là ký chủ trung gian truyền bệnh khác cho chó như *Babesia canis*, *Rickettsia canis*, *Piroplasma canis*. Một số loài ngoại ký sinh trùng còn là nguồn lây truyền bệnh nguy hiểm cho con người như bệnh dịch hạch, bệnh xoắn trùng, sốt phát ban (Bùi Quý Huy, 2002). Các loài ngoại ký sinh như bọ chét, rận, ve là trung gian truyền giun tim *Dirofilaria immitis* (Nguyễn Văn Đề, Phạm Văn Khuê, 2009).

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu, đối tượng nghiên cứu

Dây cầm cột, dụng cụ khớp mô, ống nghiệm có nắp để đựng mẫu. Dao, kéo, kẹp, lá kính, phiến kính, đĩa petri. Giấy thấm, bông gòn, đèn cồn, máy ly tâm, kính hiển vi, kính lúp. Nước cất, cồn 50°, 60°, 70°, 80°, 85°, 90°, 95°, 99°. Xylene, glycerin 50%, KOH 10%, Carmine, Baume Canada.

Mẫu ngoại ký sinh trùng được thu thập ngẫu

nhiên trên 2 nhóm chó (nhóm chó địa phương và nhóm chó ngoại-lai) dưới 6 tháng tuổi đến trên 36 tháng tuổi tại các địa điểm: huyện Trà Cú, huyện Cầu Ngang, huyện Châu Thành và thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để xác định tình hình nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó.

2.2. Tính dung lượng mẫu

Dung lượng mẫu điều tra được tính theo công thức số lượng mẫu tối thiểu cần phải lấy như sau:

$$n = z^2 \cdot p \cdot q / d^2$$
 (Trần Thị Dân và Lê Thanh Hiền, 2007). Trong đó:

- p: Là tỷ lệ nhiễm thăm dò
- q = (1-p): Là tỷ lệ không bị nhiễm bệnh
- d: Là độ chính xác mong muốn (d=0,05) giữa tỷ lệ đạt được và tỷ lệ thăm dò.
- z: Là độ tin cậy (khảo sát với độ tin cậy 95%)

Qua điều tra, tỷ lệ nhiễm là 40% (thăm dò 50 con tại tỉnh Trà Vinh, phát hiện 20 con nhiễm ngoại ký sinh trùng).

2.3. Định danh phân loại

Dựa vào hệ thống định danh phân loại theo loài ngoại ký sinh ở chó (Phan Trọng Cung và cs., 1977; Richard Wall và David shearer, 1997; Soulby E. J. L, 1968).

2.4. Xử lý số liệu

Phần mềm Excel, Minitab version 16.1

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó ở các huyện/thành phố tại tỉnh Trà Vinh

Bảng 1. Tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó ở các huyện/thành phố tại tỉnh Trà Vinh

Địa điểm	Số chó kiểm tra (con)	Số chó nhiễm (con)	Tỷ lệ nhiễm (%)
Huyện Trà Cú	111	65	58,56 ^a
Huyện Cầu Ngang	158	78	49,37
Huyện Châu Thành	121	63	52,07
Thành phố Trà Vinh	129	59	45,74 ^b
Tổng	519	265	51,06

Ghi chú: a, b trong cùng một cột thể hiện sự sai khác rất có ý nghĩa với $P = 0,047$

Qua điều tra 519 con chó trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (huyện Trà Cú, huyện Cầu Ngang, huyện Châu Thành và thành phố Trà Vinh); huyện Trà Cú 111 con, nhiễm 65 con, tỷ lệ nhiễm 58,56%; huyện Cầu Ngang 158 con, nhiễm 78 con, tỷ lệ nhiễm 49,37%; huyện Châu Thành 121 con, nhiễm 63 con, tỷ lệ nhiễm 52,07% và thành phố Trà Vinh 129 con, nhiễm 59 con, tỷ lệ nhiễm 45,74%.

Phân tích thống kê nhận thấy có sự khác biệt về tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó giữa huyện Trà

Cú với thành phố Trà Vinh ($P = 0,047$).

Khi so sánh với kết quả ở các khu vực khác của tác giả Trương Thanh Nhã (2004) và Trần Nguyễn Thiện Toàn (2010), chúng tôi thấy rằng kết quả tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó tại tỉnh Trà Vinh cao hơn. Điều này có thể do điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và phương thức nuôi ở mỗi địa phương là khác nhau.

3.2 Tình hình nhiễm ngoại ký sinh trùng theo nhóm chó

Bảng 2. Tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh trùng theo nhóm chó ở tỉnh Trà Vinh

Nhóm chó	Số chó kiểm tra (con)	Số chó nhiễm (con)	Tỷ lệ nhiễm (%)
Chó địa phương	324	183	56,48 ^a
Chó ngoại-lai	195	82	42,05 ^b
Tổng	519	265	51,06

Ghi chú: a, b sai khác rất có ý nghĩa với $P = 0,001$

Qua bảng trên nhận thấy, nhóm chó địa phương chiếm tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh (56,48%) cao hơn nhóm chó ngoại-lai (42,05%). Phân tích thống kê so sánh tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh giữa 2 nhóm chó rất khác biệt ($P = 0,001$). Chó địa phương được nuôi chủ yếu ở vùng nông thôn nhằm mục đích giữ nhà, bắt chuột, ít được quan tâm chăm sóc của chủ

nuôi, trong khi đó, chó ngoại-lai được quan tâm chăm sóc tốt hơn, được tiêm phòng và tẩy ký sinh trùng định kỳ nên tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh thấp hơn chó địa phương.

3.3 Tình hình nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó theo phương thức nuôi

Bảng 3. Tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh trùng theo nhóm chó và phương thức nuôi

Nhóm chó	Tổng nhiễm (con)	Phương thức nuôi					
		Nuôi thả rông			Nuôi nhốt		
		Số chó kiểm tra (con)	Số chó nhiễm (con)	Tỷ lệ nhiễm (%)	Số chó kiểm tra (con)	Số chó nhiễm (con)	Tỷ lệ nhiễm (%)
Chó địa phương	183	219	134	61,19 ^a	105	49	46,67 ^b
Chó ngoại-lai	82	110	49	44,54	85	33	38,82

Ghi chú: a, b trong cùng một hàng thể hiện sự sai khác rất có ý nghĩa với $P = 0,001$

Khi so sánh tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh giữa nuôi nhốt và nuôi thả rông ở chó địa phương thì có sự khác biệt ($P = 0,014$). Điều này có nghĩa là ở nhóm chó địa phương khác nhau có tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh khác nhau, được giải thích như sau: ở phương thức nuôi thả rông, chó tiếp xúc với ngoại ký sinh ở ngoài môi trường hay tiếp xúc với những con chó khác đã bị nhiễm ngoại ký sinh, chó địa

phương ít nhận được sự quan tâm chăm sóc hơn. Trong khi so sánh tỷ lệ nhiễm giữa 2 phương thức nuôi ở chó ngoại-lai thì không có ý nghĩa. Điều này có thể giải thích: do chó ngoại-lai có được sự chăm sóc tốt hơn và có định kỳ tẩy ký sinh trùng tốt hơn so với các giống chó nuôi ở địa phương nên tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh trùng thấp hơn.

3.4. Tình hình nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó theo lứa tuổi

Bảng 4. Tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó theo lứa tuổi

Lứa tuổi (tháng tuổi)	Số chó kiểm tra (con)	Số chó nhiễm (con)	Tỷ lệ nhiễm (%)
<6	120	54	45,00
6 – 12	76	31	40,79 ^a
12 – 24	87	42	48,28
24 – 36	95	53	55,79
>36	141	85	60,28 ^b
Tổng	519	265	51,06

Ghi chú: a, b trong cùng một cột thể hiện sự sai khác có ý nghĩa với $P = 0,006$

Qua bảng 4, tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh trùng tăng dần theo lứa tuổi từ <6 tháng tuổi đến >36 tháng tuổi. Điều này được giải thích: chó càng lớn tuổi khả năng tiếp xúc với chó nhiễm ngoại ký sinh trùng hay khả năng tiếp xúc với những nơi có ngoại ký sinh trùng tồn tại ngoài môi trường càng nhiều nên tỷ lệ nhiễm bệnh tăng dần

theo tuổi (Phạm Văn Khuê và Phan Lục, 1996). Mặt khác, người nuôi chó chưa quan tâm đến việc điều trị ngoại ký sinh trùng. Kết quả phân tích thống kê so sánh tỷ lệ nhiễm giữa các lứa tuổi cho thấy có sự khác biệt ($P = 0,006$).

3.5. Tình hình nhiễm thành phần loài ngoại ký sinh trùng trên chó

Bảng 5. Tỷ lệ nhiễm thành phần loài ngoại ký sinh trên chó (n = 519)

Loài ký sinh	Số chó nhiễm (con)	Tỷ lệ nhiễm (%)
<i>Rhipicephalus sanguineus</i>	121	23,31
<i>Boophilus microplus</i>	49	9,44
<i>Ctenocephalides canis</i>	103	19,85
<i>Ctenocephalides felis felis</i>	29	5,59
<i>Heterodoxus spiniger</i>	117	22,54
<i>Trichodectes canis</i>	5	0,96
<i>Demodex canis</i>	26	5,01



Hình 1. Ve (a) *Rhipicephalus sanguineus*, (b) *Boophilus microplus*

Hình 2. Bọ chét (a) *Ctenocephalides canis*, (b) *Ctenocephalides felis felis*



**Hình 3. Rận (a) *Heterodoxus spiniger*,
(b) *Trichodectes canis***

Hình 4. Ghẻ *Demodex canis*

Qua kết quả định danh phân loại, nghiên cứu tìm được 7 loài ngoại ký sinh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, được trình bày ở bảng 5. Qua đó cho thấy, chó nhiễm ve *Rhipicephalus sanguineus* chiếm tỷ lệ cao nhất (23,31%), kế đến là loài rận *Heterodoxus spiniger* (22,54%), loài *Demodex canis* (5,01%) và thấp nhất là loài rận *Trichodectes canis* (0,96%).

IV. KẾT LUẬN

Tỷ lệ nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó tại các huyện: Trà Cú (58,56%), Châu Thành (52,07%), Cầu Ngang 49,37%) và thành phố Trà Vinh (45,74%).

Chó địa phương nhiễm ngoại ký sinh: 61,19% chó thả rông và 46,67% chó nuôi nhốt.

Chó ngoại-lai nhiễm ngoại ký sinh: chó thả rông là 44,54% và chó nuôi nhốt là 38,82%.

Tìm thấy 7 loài ngoại ký sinh gồm: ve có 2 loài là *Rhipicephalus sanguineus* (23,31%), *Boophilus microplus* (9,44%); bộ chét có 2 loài là *Ctenocephalides canis* (19,85%), *Ctenocephalides felis felis* (5,59%); rận có 2 loài là *Heterodoxus spiniger* (22,54%), *Trichodectes canis* (0,96%); mò có 1 loài là *Demodex canis* (5,01%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan Trọng Cung, Đoàn Văn Thụ, Nguyễn Văn Chí, 1977. *Ve bét và côn trùng ký sinh ở Việt Nam*. NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội, tập 1, p13-57, p319-337.
- Trần Thị Dân và Lê Thanh Hiền, 2007. *Dịch tễ học thú y*. Nhà xuất bản Nông nghiệp TP. Hồ Chí Minh, p46 – 60.
- Nguyễn Văn Đề, Phạm Văn Khuê, 2009. *Bệnh ký sinh trùng truyền lây giữa người và động vật*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Quý Huy, 2002. *Sổ tay phòng chống các bệnh từ động vật lây sang người*. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, p88, p232.
- Phạm Văn Khuê và Phan Lục, 1996. *Ký sinh trùng Thú y*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, p191-193.
- Trương Thanh Nhã, 2004. *Điều tra tình hình nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó tại huyện Thốt Nốt và thử hiệu lực một số thuốc tẩy trừ*. Luận văn thạc sỹ Nông nghiệp chuyên ngành Thú y, trường Đại học Cần Thơ.
- Trần Nguyễn Thiện Toàn, 2010. *Tình hình nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó tại tỉnh Sóc Trăng và thử nghiệm hiệu lực một số loại thuốc điều trị*. Luận văn thạc sỹ.
- Richard Wall and David shearer, 1997. *Veterinary entomology*. Chapman & Hall, T. J. International Ltd in Great Britain.
- Soulby E. J. L, 1968. *Helminths, Arthropods and Protozoa of domesticated animals*. 7th ed, Bailliere Tiddall, London; Lea and Febiger, Philadelphia

Ngày nhận 3-4-2021

Ngày phản biện 20-4-2021

Ngày đăng 1-6-2021